

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ YÊN BÁI  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 7 -2020

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Độ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đinh Thị Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Bằng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thao. Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lê Oanh – kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 15/2020/TBXX ngày 19 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** **Anh Mai B**, sinh năm 1974. Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố Hồng Nam, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

**2. Bị đơn:** **Chị Vũ Thị H**, sinh năm 1982, Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-01-2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Mai B trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Anh và chị Vũ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 17-9-2016 tại UBND phường H, thành phố Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, làm ăn thua lỗ, kinh tế khó khăn, nên thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hoà giải nhưng không có kết

quả, hiện nay chị H đem theo con là cháu Diệu L ra ngoài sinh sống, anh và chị H sống ly thân không còn quan tâm tới nhau nữa, nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

*Về nuôi con chung:* Anh và chị Vũ Thị H có hai con chung là cháu Mai Hoàng A, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2006 và cháu Mai Hoàng Diệu L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2016. Hiện nay cháu Hoàng A đang ở với anh, cháu Diệu L đang ở với chị H, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cháu A còn chị H nuôi cháu L, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về chia tài sản và nợ chung:* Anh và chị Vũ Thị H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị H Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, cố tình lẩn tránh không có mặt tại Tòa án để giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đều tuân theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ đã được thu thập theo đúng trình tự luật định.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng:

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh Mai B, xử anh Mai B được ly hôn chị Vũ Thị H.

- Về nuôi con chung: Giao là cháu Mai Hoàng A, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2006 cho anh Mai B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu cho đến khi cháu 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Giao cháu Mai Hoàng Diệu L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu cho đến khi cháu 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh B không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 của nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án Anh Mai B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Vũ Thị H có nơi cư trú ở tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Bị đơn chị Vũ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Mai B và chị Vũ Thị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 6 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Anh xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình gặp khăn. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, chị H bỏ nhà ra ngoài sinh sống, không quan tâm đến gia đình đến nay anh B và chị H đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có thông báo hòa giải, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng chị H không đến Tòa án để giải quyết, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh B là chính đáng, có căn cứ chấp nhận. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho anh Mai B được ly hôn với chị Vũ Thị H.

[3] Về nuôi con: Anh Mai B và chị Vũ Thị H có hai con chung là cháu Mai Hoàng A, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2006 và cháu Mai Hoàng Diệu L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2016. Hiện nay cháu Hoàng A đang ở với anh B. Anh B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu. Cháu Mai Hoàng A có nguyện vọng được ở với bố, cháu Mai Hoàng Diệu L đang ở với chị H và hai cháu đều đang sống ổn định với anh B và chị H. Do đó cần giao cháu Mai Hoàng A cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho tới khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Giao cháu Mai Hoàng Diệu L cho chị Vũ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho tới khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Anh Mai B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Mai B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Vũ Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai B.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Mai B được ly hôn chị Vũ Thị H.

**2. Về nuôi con:** Giao cho Anh Mai B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu là Mai Hoàng A, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2006 cho đến khi cháu Hoàng A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Hoàng Diệu L, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2016 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Anh Mai B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0005258, ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (anh B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm)

**4. Về quyền kháng cáo:** Anh Mai B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- VKSND tp Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- UBND p. Hồng Hà, tp Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Trần Thị Độ**